TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2021/HN-ST
Ngày: 14 - 6 - 2021
V/v tranh chấp *"Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Ứng
2. Ông Phan Trọng Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2021 về tranh chấp*"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Kim N** - Sinh năm: 2002 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

2. Bị đơn: **Nguyễn Văn S** - Sinh năm: 2000 (Vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:*

Chị và anh S tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn ngày 23/11/2020 tại UBND xã T. Sau khi cưới vợ chồng sống không hạnh phúc do anh S không biết lo kinh tế gia đình nên vợ chồng cãi nhau, chị khuyên anh nhiều lần nhưng anh vẫn không sửa đổi. Mâu thuẫn kéo dài đến nay thì trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân. Nay tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: chị xác định không có.

* *Quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Văn S* đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng anh S không đến Tòa án để tham dự phiên hòa giải, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, chị N có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: đây là vụ án tranh chấp "Xin ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị N về việc xin ly hôn; Hội đồng xét xử nhận thấy:

- *Về quan hệ hôn nhân*: chị N và anh S có quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/11/2020 nên quan hệ hôn nhân của chị N và anh S là hợp pháp kể từ ngày đăng ký kết hôn.

Chị N trình bày cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nguyên nhân do anh S không biết lo kinh tế gia đình nên vợ chồng cãi nhau, chị khuyên anh nhiều lần nhưng anh không thay đổi. Mâu thuẫn kéo dài đến nay thì trầm trọng nên đã sống ly thân. Xét thấy, thực tế cuộc sống vợ chồng giữa chị N và anh S đã có mâu thuẫn, nên anh chị sống ly thân cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay anh chị cũng không trao đổi hàn gắn tình cảm với nhau được. Anh S không tham dự phiên hòa giải và tham dự phiên tòa để được hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó, cho thấy anh S cũng không tha thiết đến cuộc hôn nhân với chị N. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: chị N trình bày anh chị không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị N trình bày anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim N.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

2. Về án phí: Chị N phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 49729 ngày 30/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông. Chị N đã nộp xong án phí.

Chị N, anh S có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện TPĐ;
- Chi cục THADS huyện TPĐ;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện TPĐ;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm